

Bản án số: 187/2017/DS-ST

Ngày: 04-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Quang Chính

2/ Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử B Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2016/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L- Địa chỉ: phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L- Cùng địa chỉ: phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc M, - Địa chỉ: phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2016 và lời khai tại tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày: Ngày 21/5/2016, vợ chồng bà Đinh Thị L và ông Chu Văn Q có vay của vợ chồng ông số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) trong vòng 02 tháng (từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/7/2016) sẽ trả lại số tiền gốc và hàng tháng trả số tiền lãi là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên đến thời hạn trả gốc ngày 21/7/2016, ông nhiều lần liên hệ với bà L và ông Q để yêu cầu trả số gốc 3.000.000.000 đồng và lãi 02 tháng là 600.000.000 đồng nhưng bà L và ông Q không có thiện chí trả mà cứ hứa hẹn nhiều lần cho đến

nay vẫn chưa trả gốc cũng như lãi cho ông. Ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị L và ông Chu Văn Q trả ngay cho ông số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi như thỏa thuận tạm tính từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/9/2016 là 1.200.000.000 đồng.

Bị đơn ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà là vợ ông Phạm Văn L. Vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) với thỏa thuận về thời hạn vay và trả lãi như ông L đã trình bày trên. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L có trách nhiệm trả ngay cho vợ chồng ông số tiền 3.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L (hiện cư trú tại phường H, Quận C) trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 9 theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Bị đơn ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo giấy biên nhận ngày 21/5/2016 có nội dung bà Đinh Thị L có nhận của bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Phạm Văn L số tiền 3.000.000.000 đồng để làm công việc trong vòng 02 tháng gửi lại gốc 3.000.000.000 đồng, lợi nhận 600.000.000 đồng, có chữ ký của bà L và ông Q. Như vậy việc ông L và bà M có cho ông Q và bà L vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng (từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/7/2016) với lợi nhuận 600.000.000 đồng cho 02 tháng là có thật.

Theo lời khai của ông L và bà M khi đến hạn trả nợ và cho đến nay, ông Q và bà L không trả tiền gốc và lợi nhuận như cam kết cho ông bà. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Q và bà L nhưng cả hai không lên Tòa án cũng như không có văn bản ghi ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của ông L ngoại trừ bản ghi nhận ngày 17/3/2017 của bà Định Thị L với nội dung đề nghị xin quý tòa cho chậm một tháng và được gặp vợ chồng anh L để giải quyết công việc của hai gia đình. Như vậy có cơ sở xác định đến nay ông Q và bà L chưa trả ông L và bà M số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lợi nhuận 600.000.000 đồng như thỏa thuận.

Theo khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét việc ông Q và bà L không thanh toán tiền gốc 3.000.000.000 đồng cho ông L và bà M như cam kết trong giấy biên nhận ngày 21/5/2016 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của ông L và bà. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc ông Q và bà L trả ngay số tiền gốc 3.000.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi:

Theo giấy biên nhận ngày 21/5/2016, bà Liên có thỏa thuận trả lợi nhuận (lãi) 600.000.000 đồng cho hai tháng, tương ứng với lãi suất 10%/tháng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*” và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Việc các bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật, do đó tiền lãi được tính như sau:

+ Lãi trong hạn từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/7/2016 là $(3.000.000.000. \text{đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% \times 2 \text{ tháng}) = 67.500.000 \text{ đồng}$.

+ Lãi nợ quá hạn từ ngày 22/7/2016 đến ngày 31/12/2016 là $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng } 09 \text{ ngày}) = 119.250.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 01/01/2017, Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên theo qui định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

- a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong trường hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.*
- b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì ***lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....***2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì ***lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.***”

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Q và bà L phải chịu lãi trên số tiền lãi trong hạn chậm trả từ ngày 01/1/2017 đến 04/7/2017 là: $67.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 3.431.250 \text{ đồng}$.

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông Q và bà L còn phải chịu lãi nợ quá hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 04/7/2017 là $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} 03 \text{ ngày} = 457.499.999 \text{ đồng}$.

Như vậy ông Q và bà L có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền lãi cho ông L và bà M là 647.681.249 đồng.

Án phí: Ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L phải liên đới chịu án phí trên số tiền 3.647.681.249 đồng là $(72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 1.647.681.249 \text{ đồng}) = 104.953.625 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Ông Phạm Văn L không phải chịu án phí, hoàn lại cho ông L 56.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008236 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 471, 472, 473, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn L. Buộc ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và tiền lãi 647.681.249 đồng (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm bốn mươi chín đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Chu Văn Q và bà Đinh Thị L phải liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 104.953.625 đồng.

Ông Phạm Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008236 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Q.9;
- Chi cục THA Q.9;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo